

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Hướng dẫn định mức hỗ trợ vốn Ngân sách nhà nước
thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng
nông thôn mới tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016-2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về định mức hỗ trợ vốn Ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 2077/TTr-SKHĐT ngày 12 tháng 9 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Hướng dẫn định mức hỗ trợ vốn Ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016-2020.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 732/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc

ban hành Hướng dẫn định mức hỗ trợ vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bến Tre giai đoạn 2010-2020./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- TT, TU, TT HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành tỉnh;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chánh, các Phó CVP;
- Phòng NC: TH, TCĐT, KT, KGVX;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, SKHĐT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Cao Văn Trọng
Cao Văn Trọng

HƯỚNG DẪN

**Định mức hỗ trợ vốn Ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình
mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới
tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016-2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2195/QĐ-UBND ngày 15 tháng 9 năm
2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

I. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ các nội dung đầu tư theo tỷ lệ phần trăm quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Tùy vào điều kiện thực tế tại địa phương, Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định cơ cấu nguồn vốn còn lại để thực hiện hoàn thành công trình từ ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã, vận động nhân dân tự nguyện đóng góp và vận động các nguồn vốn khác bằng các hình thức thích hợp.

3. Các dự án đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội quy định tại mục IV Điều 1 Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND phải phù hợp với Đồ án quy hoạch và Đề án xây dựng nông thôn mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Trường hợp, trên cùng một tuyến đường có xây dựng nhiều công trình: cầu, đường, cống,... trong cùng một dự án đầu tư hoặc xây dựng nhiều công trình: cầu, đường, cống,... bằng các dự án đầu tư độc lập, thì tỷ lệ hỗ trợ của ngân sách nhà nước cấp tỉnh cho các công trình này được tính bằng với tỷ lệ hỗ trợ cho việc xây dựng phần đường giao thông cùng cấp.

5. Nhóm các công trình xây dựng Trường học; Trạm y tế; Trụ sở Ủy ban nhân dân xã; Nhà văn hóa xã hoặc Hội trường đa năng; Nhà văn hóa ấp: Tổng mức đầu tư bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng.

6. Nhóm các công trình giao thông, thủy lợi, nước sạch nông thôn: Tổng mức đầu tư không bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng.

II. Nội dung hỗ trợ

Nội dung hỗ trợ vốn ngân sách Nhà nước để thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016-2020 nêu tại Điều 1 Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐND, được cụ thể hóa như sau:

1. Quy hoạch xây dựng nông thôn mới của xã; đào tạo kiến thức về nông thôn mới cho cán bộ các cấp và hợp tác xã: Ngân sách Nhà nước cấp tỉnh hỗ trợ 100% từ nguồn kinh phí sự nghiệp.

2. Phát triển mô hình sản xuất và dịch vụ: Định mức hỗ trợ cho từng hạng mục trong mô hình phát triển sản xuất thực hiện theo Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15 tháng 11 năm 2010 của liên Bộ Tài chính -

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông; Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020; và các văn bản quy định hiện hành.

3. Đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội

3.1. Đối với nhóm các công trình tổng mức đầu tư bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng.

a. Trường học; Trạm y tế: ngân sách Nhà nước cấp tính hỗ trợ 100% tổng mức đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt.

b. Trụ sở Ủy ban nhân dân xã; nhà văn hóa xã hoặc hội trường đa năng: ngân sách Nhà nước cấp tính hỗ trợ 80% tổng mức đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt.

c. Nhà văn hóa ấp: ngân sách Nhà nước cấp tính hỗ trợ 30% tổng mức đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt.

Trường hợp mặt bằng là đất công hoặc do tổ chức, cá nhân hiến đất thì giá trị đất không được tính vào tổng mức đầu tư.

3.2. Đối với nhóm các công trình tổng mức đầu tư không bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng

a. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện: ngân sách Nhà nước cấp tính hỗ trợ 90% tổng mức đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt.

b. Đường trục ấp, liên ấp: ngân sách Nhà nước cấp tính hỗ trợ 70% tổng mức đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt.

c. Đường ngõ, xóm (phục vụ sự đi lại của người dân giữa các cụm dân cư, các hộ gia đình): ngân sách Nhà nước cấp tính hỗ trợ 30% tổng mức đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt.

d. Đường vào khu sản xuất nông nghiệp, thủy sản, tiểu thủ công nghiệp tập trung: ngân sách Nhà nước cấp tính hỗ trợ 80% tổng mức đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt.

đ. Công, đê bao khu vực; Kênh mương nội đồng: ngân sách Nhà nước cấp tính hỗ trợ 90% tổng mức đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt.

e. Hệ thống cấp nước sạch nông thôn: ngân sách Nhà nước cấp tính hỗ trợ 90% tổng mức đầu tư được cấp thẩm quyền phê duyệt. Nhân dân đóng góp 10% tổng mức đầu tư tương đương với chi phí lắp đặt đồng hồ, đường ống nước dẫn vào hộ gia đình.

III. Nguồn vốn hỗ trợ

1. Vốn ngân sách cấp tỉnh, bao gồm:

- Vốn ngân sách tập trung cân đối theo tiêu chí;
- Vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia (bao gồm vốn bố trí trực tiếp để thực hiện các nội dung theo Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16 tháng 8

năm 2016; số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ) và các chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu của ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương;

- Thu tiền sử dụng đất;
- Vốn ODA;
- Vốn Xổ số kiến thiết;
- Các khoản đóng góp tự nguyện và viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho ngân sách cấp tỉnh;
- Các nguồn vốn hợp pháp khác do tỉnh quản lý.

2. Vốn ngân sách cấp huyện, bao gồm:

- Vốn đầu tư phát triển thuộc ngân sách nhà nước phân cấp cho các huyện, thành phố theo tiêu chí;
- Thu tiền sử dụng đất;
- Các khoản đóng góp tự nguyện và viện trợ không hoàn lại của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho ngân sách cấp huyện;
- Các nguồn vốn hợp pháp khác do huyện quản lý.

3. Vốn ngân sách cấp xã, bao gồm:

- Vốn đầu tư phát triển thuộc ngân sách cấp xã;
- Nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất được quy định tại Nghị quyết số 28/2012/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các khoản đóng góp tự nguyện và viện trợ không hoàn lại của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho ngân sách cấp xã;
- Các nguồn vốn hợp pháp khác do xã quản lý.

IV. Quy trình thực hiện

1. Căn cứ Quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới, Đề án xây dựng nông thôn mới và Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 được cấp thẩm quyền phê duyệt, trước ngày 31 tháng 3 hằng năm, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố lập danh mục các dự án đầu tư do huyện quản lý nêu ở mục 3 phần II gửi Văn phòng Điều phối Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh (Văn phòng Điều phối) để tổng hợp, báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư.

2. Trình tự lập, thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư các dự án thực hiện theo quy định của Luật đầu tư công và các văn bản có liên quan.

3. Riêng đối với các công trình/dự án thuộc nhóm C quy mô nhỏ, theo quy định tại Nghị định 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ, quy trình thực hiện theo Hướng dẫn số 546/HD-UBND ngày 16/02/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về một số nội dung thực hiện Nghị định 161/2016/NĐ-CP của Chính phủ và Công văn số 4062/UBND-TCĐT ngày 07 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc khẩn trương đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân và nâng cao hiệu quả các dự án đầu tư công.

4. Trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án có cấu phần xây dựng thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng, pháp luật khác có liên quan và quy định của Chính phủ; trình tự lập, thẩm định, quyết định đầu tư dự án không có cấu phần xây dựng thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và quy định của Chính phủ.

5. Trước ngày 10/7 hằng năm, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố lập kế hoạch đầu tư xây dựng nông thôn mới sử dụng các nguồn vốn do tỉnh quản lý, địa phương làm chủ đầu tư gửi Văn phòng Điều phối để tổng hợp kế hoạch đầu tư của Chương trình. Trước ngày 15/7 hằng năm, Văn phòng Điều phối gửi kế hoạch đầu tư của Chương trình về Sở Kế hoạch và Đầu tư để thẩm định, tổng hợp chung vào kế hoạch đầu tư công năm sau của tỉnh.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm bố trí ngân sách cấp mình và huy động đóng góp của nhân dân để thực hiện hoàn thành các công trình theo đúng kế hoạch, không gây ra nợ đọng xây dựng cơ bản.

V. Xử lý chuyển tiếp

Đối với các công trình, dự án xây dựng nông thôn mới đã được phân bổ vốn theo quy định tại Nghị quyết số 26/2014/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh, thì tiếp tục thực hiện việc phân bổ vốn theo các quy định tại Nghị quyết 26/2014/NQ-HĐND.

Đối với các dự án, công trình xây dựng nông thôn mới chưa được phân bổ vốn, thì thực hiện việc phân bổ vốn theo Hướng dẫn này.

VI. Chế độ báo cáo

Định kỳ hàng quý, 6 tháng và cuối năm, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố báo cáo kết quả thực hiện các dự án đầu tư về Văn phòng Điều phối, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trong quá trình thực hiện, nếu có các phát sinh, vướng mắc, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố báo cáo ngay về Văn phòng Điều phối, Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền hoặc trình Hội đồng nhân dân tỉnh những vấn đề vượt thẩm quyền./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Cao Văn Trọng